

Bản án số: **40/2022/DSST**

Ngày: 29/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Từ Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Cán bộ
Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 66A/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 05 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐST-DS ngày 22/7/2022, giữa.

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng H** - sinh năm 1948; Trú tại: 02 P, tổ 5, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị Hồng L** – sinh năm: 1948, địa chỉ: 24P, tổ 5, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm, bà Nguyễn Thị Hồng H nhiều lần cho bà Đặng Thị Hồng L vay tổng số tiền là 585.000.000 đồng, có giấy vay tiền ngày 21/5/2021 do bà Đặng Thị Hồng L viết và ký nhận. Khi vay hai bên không thỏa thuận về tiền lãi và bà L hẹn 30 ngày để trả nhưng đến hạn trả nợ thì bà L không trả như đã hứa. Nhiều lần bà L nói sẽ bán nhà trả nợ nhưng bà L vẫn không bán nhà trả. Mặc dù bà H đã nhiều lần gọi điện và đến nhà yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cố tình trốn tránh không trả. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Hồng L phải trả cho bà số tiền nợ 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) và bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Đặng Thị Hồng L trình bày:

Năm 2016, con bà L là Đặng Trần Q có mở công ty vận tải đến năm 2017 đến năm 2018, bà L có vay nhiều lần của bà H để đầu tư cho con làm ăn với tổng số tiền 585.000.000 đồng (bà L có viết giấy và ký nhận nợ vào ngày 21/5/2021). Việc vay mượn không thỏa thuận về lãi trong giấy tờ nhưng có thỏa thuận miệng với nhau và tổng số tiền lãi bà đã trả cho bà H khoảng 402.000.000 đồng. Từ năm 2019, con bà làm ăn khó khăn, chồng bà L mất, nên bà L đã chủ động liên hệ với bà H để không đóng lãi nữa và chỉ đóng tiền gốc. Tuy nhiên, bà H không đồng ý. Vì số tiền lãi quá cao và vượt quá khả năng chi trả nên bà L không thể trả lãi và gốc từ năm 2019 đến nay. Nay bà L xác nhận còn nợ bà H số tiền 585.000.000 đồng và xin trả dần khoản nợ trên 4.000.000 đồng/tháng cho tới khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Hồng H với bà Đặng Thị Hồng L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Đặng Thị Hồng L nhưng tại phiên tòa hôm nay bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ hàng xóm với nhau nên bà H đã nhiều lần cho bà L vay với tổng số tiền 585.000.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) có giấy vay tiền ngày 21/5/2021, giấy này do bà L viết và ký nhận. Khi vay hai bên không thỏa thuận về tiền lãi, bà L hẹn 30 ngày để trả nhưng đến hạn trả nợ thì bà L không trả như đã hẹn. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Hồng L phải trả số tiền nợ là: 585.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Còn bà L xác nhận hiện nay còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 585.000.000 đồng, bà L xin trả dần khoản nợ trên mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc vay tiền giữa bà H và bà L là có thật và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giấy vay tiền đã ký kết. Căn cứ theo giấy vay tiền ngày 21/5/2021 do bà Đặng Thị Hồng L viết và ký nhận cũng như tại bản tự khai ngày 30/5/2022 bà L xác nhận hiện còn nợ bà H số tiền 585.000.000 đồng, bà L là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Hạnh. Mặt khác, yêu cầu xin trả dần số nợ trên của bà L không được bà H chấp nhận. Do đó, yêu cầu của bà H buộc bà Đặng Thị Hồng L phải trả một lần số 585.000.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không có yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với trình bày của bà Đặng Thị Hồng L về việc có trả tiền lãi cho bà H nhưng không thể hiện bằng giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng và giao tiền bằng hình thức trao tay. Đồng thời, bà H không thừa nhận về việc nhận tiền lãi từ bà L nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bà Lê.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật trên số tiền nợ 585.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đặng Thị Hồng L sinh năm: 1948, hiện là người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi. Đồng thời ngày 16/6/2022 bà Đặng Thị Hồng L có đơn xin miễn án phí. Do đó căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì HĐXX chấp nhận cho bà Đặng Thị Hồng L được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 280; Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tiền"* của bà Nguyễn Thị Hồng H đối với bà Đặng Thị Hồng L.

Xử:

1. Buộc bà Đặng Thị Hồng L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Hồng L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bà Nguyễn Thị Hồng H là người là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

3. Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh